

ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH – SỰ SÁNG TẠO VỀ MẶT THỂ LOẠI DOAN TRUONG TAN THANH - CREATIVITY IN GENRE

Lê Sỹ Đồng¹

Tóm tắt

Trong báo cáo này, chúng tôi tìm hiểu sự sáng tạo về mặt thể loại của Nguyễn Du thông qua tác phẩm *Đoạn trường tân thanh*. Chúng tôi dựa vào lí thuyết thể loại và lịch sử văn bản để làm rõ ba vấn đề: thứ nhất là nêu lại tên đầu tiên của *Truyện Kiều*; thứ hai là đặt vấn đề xem “tân thanh” như một thể loại; thứ ba là xác định dấu ấn thể loại trong *Đoạn trường tân thanh*. Từ đó, chúng tôi đưa ra đề xuất về việc nên xem xét lại tên gọi cho các truyện thơ Nôm.

Từ khóa: *Truyện Kiều*, *Đoạn trường tân thanh*, thể loại, Nguyễn Du, *Truyện Nôm*.

1. Đặt vấn đề

Trong một lần tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên phổ thông với nội dung: “Dạy học văn từ đặc trưng thể loại”, có giáo viên hỏi: các đoạn trích *Trao duyên*, *Kiều ở Lâu Ngưng Bích*, *Nỗi thương mình*, *Chí khí anh hùng*... thì nên dạy theo đặc trưng phương thức tự sự hay trữ tình. Từ câu hỏi này, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải xác định lại thể loại của “*Đoạn trường tân thanh*” và cách tiếp cận tác phẩm này.

Sau quá trình khảo sát, chúng tôi đã tiếp cận được hai bài viết: Một là “*Đoạn trường tân thanh – một mã khóa vào thế giới nghệ thuật Nguyễn Du*” của nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na in trên Tạp chí *Giáo viên và nhà trường*, năm 2000; Hai là “Về hai chữ *Tân thanh* trong nhan đề truyện *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du” của nhà nghiên cứu Phạm Luận in trong *Văn Bản Truyện Kiều – nghiên cứu và thảo luận*, Nxb Hội Nhà văn, năm 2001. Cả hai bài viết đều bàn về chữ “*tân thanh*”, nhưng không có sự thống nhất. Như vậy, việc hiểu sao cho đúng chữ “*tân thanh*” còn phụ thuộc rất nhiều vào hướng tiếp cận của nhà nghiên cứu.

Trong bài luận này, chúng tôi không có ý chú giải nghĩa của chữ “*Tân Thanh*”, cũng như không tranh luận việc nên hiểu hai chữ “*Tân thanh*” như thể nào cho đúng mà chỉ thử đưa ra ý kiến riêng và bàn thêm về vấn đề thể loại *Truyện Kiều* với mục đích xác định lại thể loại của nó.

¹ Thạc sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Abstract

This paper is to study the creativity of Nguyen Du in genre through Doan Truong Tan Thanh Masterpiece. We base on the theory of genre and the history of text in order to highlight three issues: the first is to retell the initial name of *Truyen Kieu*; the second is to consider ‘*Tan Thanh*’ as a new genre; the third is to identify the sign of genre in *Doan Truong Tan Thanh*. Based on those, this paper proposes whether to reconsider the name of story-poem of *Nom*.

Keywords: *Truyen Kieu*, *Doan Truong Tan Thanh*, genre, *Nguyen Du*, story – poem of *Nom*.

2. Nội dung

2.1. Về tên gọi *Truyện Kiều*

Câu hỏi trước tiên chúng tôi quan tâm là Nguyễn Du có đặt tên sáng tác của mình là *Truyện Kiều* không? Chúng tôi trả lời ngay được câu hỏi này bằng hàng loạt những bài viết, công trình liên quan, điển hình như:

Phần về Văn nghiệp cụ Nguyễn Du trong *Việt Nam thi văn giảng luận*² nhận định: “Nhân đọc một cuốn truyện Tàu nhan đề là “Kim Vân Kiều truyện” và vì cảm thân thể nàng Kiều có nhiều điểm giống mình nên cụ viết ra một áng văn tuyệt tác, tức là quyển “*Đoạn trường tân thanh*” thường gọi là *Truyện Kiều*”.

Trong *Truyện Kiều tập chú*³ in lại nguyên văn bản dịch “*Bài tựa Truyện Kiều của Tiên phong Mộng Liên Đường chủ nhân* (1820)” của Bùi Kiể và Trần Trọng Kim, có đoạn: “*Truyện Thúy Kiều* chép ở trong lục *Phong tình*, ta không cần bàn làm gì. Lục phong tình cũng đã cũ rồi, Tố Như tử xem truyện, thấy việc lạ, lại thương tiếc những nỗi trắc trở của kẻ có tài, bèn đem dịch ra quốc âm, đề là *Đoạn trường tân thanh*, thành ra cái lục *Phong tình* thì vẫn cũ, mà cái tiếng *đoạn trường* thì lại là cái tiếng mới vậy”.

Trong công trình *Văn học Việt Nam* (nửa cuối

² Hà, Như Chi. 1994. *Việt Nam Thi văn giảng luận*. NXB Tổng hợp Đồng Tháp, tr. 336

³ Trần, Văn Chánh, Trần, Phước Thuận và Phạm. Văn Hòa. 1999. *Truyện Kiều tập chú*. NXB Đà Nẵng, tr.15(XV).

thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX)⁴ viết: “Kiệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du nguyên có tên là *Đoạn trường tân thanh* nghĩa là “Tiếng nói mới đứt ruột”, là một tác phẩm được viết dựa theo một tác phẩm cổ của Trung Quốc tên là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân”.

Trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10, tập 2⁵ có đoạn: “Nguyễn Du có *Đoạn trường tân thanh* (còn gọi là *Truyện Kiều*)”.

Trong *Từ điển Văn học bộ mới*⁶ cũng khẳng định *Truyện Kiều* nguyên tên: “*Đoạn trường tân thanh* – tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột”.

Dựa vào những khảo sát trên và hàng loạt các công trình khác, có thể khẳng định Nguyễn Du khi chuyển thể từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân sang thơ lục bát không gọi là *Truyện Kiều* mà đặt tên cho tác phẩm của mình là *Đoạn trường tân thanh*.

Một câu hỏi khác được đặt ra là *Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du đổi ra tên Truyện Kiều từ khi nào?*

Chúng tôi khi đọc công trình *Nguyễn Du, tác phẩm và lịch sử văn bản*⁷ thì thấy có đoạn: “Tương truyền, khi soạn xong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã đưa bản thảo cho Phạm Quý Thích xem. Phạm Quý Thích rất tán thưởng, nhuận sắc lại một đôi chỗ, đổi tên sách thành *Kim Vân Kiều tân truyện*, làm thơ đề từ rồi cho khắc ván in ở phố Hàng Gai, Hà Nội. Đó là bản *Kiều Nôm* in đầu tiên”. Có lẽ từ đây, *Đoạn trường tân thanh* lưu truyền với tên nôm na là *Truyện Kiều*. Ta có thể thấy rõ điều này qua tên các tàng bản cuối thế kỉ XIX như: *Kim Vân Kiều tân truyện* - Kim Ngọc lâu tàng bản khắc in 1872, *Kim Vân Kiều tân truyện* - Thịnh Mĩ đường tàng bản khắc in 1879, *Kim Vân Kiều tân truyện* - Bảo Hoa các tàng bản khắc in 1879; hoặc các bản in đầu thế kỉ XX như: *Thúy Kiều truyện tường chú* của Chiêm Vân Thị khắc in khoảng 1905, *Kim Vân Kiều quảng tập truyện* của Liễu Văn Đường tàng bản khắc in 1914, *Kim Vân Kiều tân truyện* của Phúc Văn đường tàng bản khắc in 1918. Tuy nhiên,

⁴ Nguyễn, Lộc. 2001. *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX)*. NXB Giáo dục, tr. 334.

⁵ Nhiều tác giả. 2008. *Ngữ văn 10*, tập 2. NXB Giáo dục, tr.94.

⁶ Nhiều tác giả. 2004. *Từ điển Văn học bộ mới*. NXB Thế giới, tr. 1844.

⁷ Nguyễn, Thạch Giang và Trương, Chính 2000. *Nguyễn Du, tác phẩm và lịch sử văn bản*. NXB TP. Hồ Chí Minh, tr.44.

⁸ Có thể đọc bài thơ này trong cuốn *Từ trong di sản*, Tác Phẩm mới, 1981, tr.117.

chúng tôi vẫn bắt gặp những bản in giữ nguyên tên của “*Truyện Kiều*” như: *Đoạn trường tân thanh* của Kiều Oánh Mậu khắc in 1902, rồi đến năm 1958, Bộ Quốc gia giáo dục cho xuất bản *Truyện Kiều* lấy lại nguyên tên *Đoạn trường tân thanh*.

Như vậy, ngay khi *Đoạn trường tân thanh* còn trên bản thảo đã bị đổi tên thành “*Truyện Kiều*”. Để rồi sau đó, người đời quen thuộc với tên *Truyện Kiều* mà lãng tên *Đoạn trường tân thanh*. Hiện chúng tôi vẫn chưa tìm được những tài liệu hoặc các bài viết nào về thái độ của Nguyễn Du với việc *Đoạn trường tân thanh* bị đổi tên. Vì như trình bày trên, việc đổi tên *Đoạn trường tân thanh* xảy ra ngay khi Nguyễn Du vẫn còn sống. Do đó, ta khó có thể biết Nguyễn Du có xem *Đoạn trường tân thanh* là truyện hay không. Theo chúng tôi (vẫn còn chút nghi hoặc) thì Nguyễn Du không xem *Đoạn trường tân thanh* là truyện, mà ông muốn đặt một tên mới cho một phương thức nghệ thuật phổ biến thời bấy giờ mà ta quen gọi là *truyện Nôm* (truyện thơ Nôm) với danh xưng là “*Tân thanh*” nhằm mục đích sáng tạo ra một tên mới cho một phương thức sáng tác trong văn học dân tộc.

2.2. Thể loại “Truyện Kiều”

2.2.1. Tân thanh phải chăng là một thể loại mới ?

Với hơn 200 năm nghiên cứu *Truyện Kiều*, các nhà nghiên cứu hầu như đã đánh giá *Truyện Kiều* ở mọi góc độ, với việc vận dụng nhiều phương pháp nghiên cứu và dựa trên nhiều cơ sở lí luận khác nhau. Thế nhưng, có rất ít những công trình hay bài báo nghiên cứu lật lại vấn đề thể loại *Truyện Kiều*, và tìm hiểu xem phương thức sáng tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là phương thức nào. Điều này cũng dễ hiểu, vì cứ nhìn vào các bản khắc in *Truyện Kiều* với những tên như: *Kim Vân Kiều tân truyện*, *Thúy Kiều truyện tường chú*, *Kim Vân Kiều quảng tập truyện* thì rõ ràng đây là tác phẩm tự sự. Do đó, cách đặt tiêu đề tác phẩm như thế đã làm cho các nhà nghiên cứu, độc giả hạn định ngay đây là truyện (thể loại *truyện*) – tạo mặc định về một phương thức sáng tác cũng với những đặc trưng thể loại của nó. Sự nhầm lẫn này gắn liền với lịch sử tiếp nhận văn bản và cách đặt tên tác phẩm trong văn học trung đại.

Khảo lược tiến trình văn học trung đại Việt Nam, ta dễ dàng nhận thấy thể loại tác phẩm luôn đứng ngay sau nội dung tiêu đề tác phẩm. Ví như, thế kỉ XI có *Thiên đô chiếu* của Lí Công Uẩn (thể chiếu), thế kỉ XIII có *Dụ chư tì tướng hịch văn* của

Trần Quốc Tuấn (thể lịch), thế kỉ XV có *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi (thể cáo), thế kỉ XVIII có *Vũ trung túy bút* của Phạm Đình Hồ (thể tùy bút); *Thượng kinh kí sự* của Lê Hữu Trác (thể kí). Ngay cả như Nguyễn Du khi đặt tên cho các sáng tác của mình cũng có ý phân định rạch ròi. Dương như trong ba tập thơ chữ Hán của mình, ông chỉ xem *Thanh Hiên thi tập* mới là thơ, còn *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục* chỉ là những ghi chép “lung tung” mà thôi.

Như vậy, nếu các bản khắc in sử dụng lại nguyên tên của “*Truyện Kiều*” là *Đoạn trường tân thanh* thì có lẽ các nhà nghiên cứu đã chú ý nhiều hơn vào việc phân giải thể loại *Truyện Kiều*, và có thể đã đặt vấn đề về sự ra đời của một thể loại mới trong văn học Việt Nam với tác phẩm tiêu biểu là “*Truyện Kiều*”.

Mặt khác, do “*Truyện Kiều*” dựa vào nội dung *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân nên trước khi đọc – tiếp nhận “*Truyện Kiều*”, tâm thức người đọc đã xem đây chính là tác phẩm tự sự. Cùng với motip của truyện trung đại, bố cục “*Truyện Kiều*” không hề mới, vẫn chỉ là: gặp gỡ - li tán - hội ngộ. Điều này dễ gây nhầm chán cho độc giả. Thế nhưng, có thể thấy rằng, ngay khi mở “*Truyện Kiều*”, người đọc bị lôi cuốn không phải ở bởi cốt truyện mà chính là ở từng từ, từng câu thơ lục bát; cũng chính những câu thơ lục bát này là cái còn đọng lại trong lòng người đọc và kích thích hứng thú tiếp tục đọc sau khi gấp lại “*Truyện Kiều*”.

Điều đó chứng tỏ cái cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân tuy vẫn còn “hình dạng” trong “*Truyện Kiều*” nhưng nó chỉ là ảo ảnh, bị cái màu sắc “*tân thanh*” làm cho mờ nhạt. Do đó, nếu người đọc xóa đi “định kiến” về nguồn gốc “*Truyện Kiều*” thì có lẽ sẽ thấy được những nét mới của Nguyễn Du từ việc làm mới tác phẩm về mặt thể loại.

Một cơ sở khác để chúng tôi mạnh dạn nhận định “*Truyện Kiều*” là sự phát triển, sáng tạo thể loại mới của Nguyễn Du đó là lí thuyết thể loại và hiện thực sáng tác truyện Nôm ở thế kỉ XVIII - XIX.

Truyện Kiều là sự hòa trộn của nhiều thể loại với các phương thức sáng tác khác nhau. So với các truyện thơ Nôm cùng thời như: *Nhị Độ mai*, *Lí Công*, *Phạm Tài Ngọc Hoa*, *Phan Trần*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Sơ Kinh tân trang*, *Trê Có*, *Trình Thử*, *Tổng Trân Cúc Hoa*, ... *Truyện Kiều* có những vượt trội về việc vận dụng thể thơ lục bát vào quá trình

hoàn thiện cả mặt nội dung và thể loại tác phẩm.

Khi tóm tắt *Truyện Kiều*, người đọc dễ dàng nhận ra Nguyễn Du dựa trên phương thức tự sự để sáng tác. Nội dung truyện có lớp lang, hồi đoạn; có mở đầu, có phát triển có kết thúc. Các nhân vật trong truyện được miêu tả rất kĩ lưỡng từ ngoại hình cho đến tính cách... Khi đọc *Truyện Kiều* người đọc lại có cảm nhận dường như Nguyễn Du dựa vào phương thức trữ tình để viết những câu thơ giản dị mà uyển chuyển với câu từ sáng rõ mà đa tầng ý nghĩa... Còn khi đọc các phân đoạn về những đoạn đời của nàng Kiều, người đọc lại cảm được tính kịch của tác phẩm. Ở đó, có những đoạn kịch tính dâng trào làm cho người đọc hồi hộp, run rẩy cùng lớp kịch. Tất cả những điều này đã làm cho ranh giới giữa các phương thức sáng tác vốn đã mong manh nay như sợi tơ mảnh không thể phân định được chính xác “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du sáng tác dựa trên phương thức nào. Phải chăng đây là điểm mấu chốt để nhân diện thể loại “*tân thanh*”.

2.2.2. Tân thanh mang yếu tố tự sự

Trước hết, yếu tố tự sự trong *Truyện Kiều* được thể hiện ở phương diện phản ánh cuộc sống bằng cách xây dựng nhân vật gắn liền với số phận và hoàn cảnh của nhân vật. Trong *Truyện Kiều*, nhân vật Từ Hải phảng phất hình ảnh những kẻ bị gọi là “nghịch thần tặc tử” đứng lên chống lại triều đình nhưng đều bị tiêu diệt. Từ Hải, kẻ đại diện cho khát khao công lí, sống với chữ tình, chữ tín đã không thể bảo vệ cho lí tưởng xã hội của mình. Đây là hiện tượng dễ thấy trong xã hội Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Trong khoảng trăm năm ấy, xã hội đầy biến động với sự hưng phế, thịnh suy của các tập đoàn phong kiến đã gây ra những sự xáo trộn về trật tự xã hội cũng như ý thức hệ Nho giáo và những chuẩn mực về đạo đức. Trong *Truyện Kiều*, nhân vật Thúy Kiều là hình ảnh đại diện cho kiếp “hồng nhan bạc mệnh” giữa lúc “thuở trời đất nổi cơn gió bụi” – Đặng Trần Côn. Không chỉ thế, nàng còn là hình ảnh của những khách phong lưu “có tài mà cậy chi tài”, “chữ tài đi với chữ tai một vần”. Thúy Kiều xuất thân trong gia đình “nghĩ cũng thường thường bậc trung”, được gia giáo đến nơi đến chốn lại sống cảnh “êm đềm trướng rủ màn che”. Nên với nàng, chữ hiếu, chữ tình, chữ trinh tiết gắn liền với đạo đức Nho giáo. Thế nhưng, hoàn cảnh của nàng, cũng là hoàn cảnh của bao cô gái thời bấy giờ trong xã hội loạn lạc, chiến tranh liên miên đã

không thể cho họ cái quyền được sống trọn vẹn với đạo đức thánh hiền. Kiều dù phải lưu lạc với bao nỗi “gió dập sóng dồi” tủi hổ thì nàng vẫn phải sống để đấu tranh cho quyền sống. Ngoài ra, còn biết bao nhân vật là đại diện cho những hạng, kiểu người trong xã hội thời bấy giờ được Nguyễn Du phản ánh trong tác phẩm này.

Yếu tố tự sự thứ hai trong *Truyện Kiều* là vai trò tổ chức của trần thuật. Việc trần thuật lại sự việc trong tác phẩm tự sự thường gắn liền với một trong ba phương thức: nghe chuyện người khác kể mà thuật lại, chứng kiến mà thuật lại, và thuật lại chuyện của chính mình. Nhưng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được thuật lại với hai phương thức: nghe chuyện người khác mà kể lại và chứng kiến chuyện người khác mà thuật lại. Mở đầu và kết thúc *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

Trải qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Và

Lời quê chấp nhặt đông dãi,

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Thế thì, đâu là “những điều trông thấy” – chứng kiến, đâu là “lời quê chấp nhặt” – nghe thấy? Chuyện nghe là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Chuyện thấy là hiện thực xã hội hồi cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Với những điều nghe, thấy ấy đã tạo nên đặc điểm cốt truyện của *Truyện Kiều*. Cốt truyện ấy không hoàn toàn hư cấu, cũng không hoàn toàn được sao chép lại một cách cứng nhắc theo điển xưa, tích cũ mà nó dựa trên hiện thực cuộc đời, hiện thực về số phận con người.

Truyện Kiều kể lại cuộc đời lưu lạc của nàng Kiều – nhân vật trung tâm của tác phẩm. Kiều có hoàn cảnh, có tính cách, có số phận và có cuộc đời. Việc tổ chức trần thuật trong *Truyện Kiều* gắn liền với những bước thăng trầm của nàng Kiều, gắn liền với cái “án phong lưu” trong cõi trăm năm. Không chỉ dừng lại ở đó, Nguyễn Du đã đan lồng nhiều cuộc đời của nhiều con người gắn liền với cuộc đời của Kiều. Điển hình như cuộc đời của Đạm Tiên, của Từ Hải. Câu chuyện về cuộc đời của những con người này được Nguyễn Du trần thuật lại với dụng ý nghệ thuật cao nhất. Với Đạm Tiên, Nguyễn Du kể lại thân phận và cuộc đời của nàng chỉ bằng 8 câu thơ (từ câu 62 đến câu 70). Với Từ Hải, Nguyễn Du miêu tả nhiều hơn

tới gần 300 câu thơ (từ câu 2165– 2454). Sự khác biệt này có lẽ vì Từ Hải gắn liền với một chặng đời chìm nổi của Kiều, còn Đạm Tiên chỉ xuất hiện như một điểm báo về sự trắc trở nhân duyên. Song, dù cuộc đời các nhân vật này được miêu tả với số câu thơ nhiều hay ít thì nó đều có bắt đầu, có kết thúc. Như vậy, dựa vào sự đan lồng giữa các số phận, sự đan kết chặt chẽ giữa các mối quan hệ, đồng thời phân tích đa tầng tâm lí của nhân vật Kiều, ta có thể khẳng định *Truyện Kiều* mang hơi hướng của thể loại tiểu thuyết.

Yếu tố thứ ba chứng minh *Truyện Kiều* mang yếu tố tự sự là các nhân vật trong tác phẩm là hiện thân cho một trạng thái quan hệ xã hội, ý thức xã hội hoặc trạng thái tồn tại của một con người. Họ tồn tại với tư cách là một kiểu người trong xã hội và số phận của họ là điển hình cho một lớp người dưới gầm trời phong kiến. Ví như Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh là đại diện cho bọn “ung khuyến” xem phận người như bèo, xem thân người như bọt. Trong quan hệ xã hội của loại người này, tiền quyền luôn được đặt lên trên, lợi ích là tất cả. Hay như Hồ Tôn Hiến với cái hình dong “mặt sắt”, nhân vật này chỉ xuất hiện vồn vện ở chưa đầy 150 câu thơ (từ câu 2455 – 2596) nhưng đã thể hiện được ý thức của tác giả về bản chất lạnh lùng, gian hiểm của giai cấp thống trị.

Yếu tố thứ tư minh chứng cho tính tự sự của *Truyện Kiều* là lời trần thuật. Nếu đọc kĩ *Truyện Kiều*, ta sẽ thấy lời trần thuật luôn gắn với hình tượng trần thuật bằng nhiều ngôi khác nhau. Xuyên suốt tác phẩm là lời trần thuật của Nguyễn Du, tuy nhiên ta vẫn bắt gặp không ít những đoạn thơ là lời trần thuật của Kiều. Ví như Kiều kể lại đoạn đời của mình cho Hồ Tôn Hiến:

Thưa rằng: Bạc mệnh khúc này,

Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.

Không chỉ có vậy, lời trần thuật trong *Truyện Kiều* còn gắn liền với những câu thơ miêu tả thiên nhiên, ngoại hình nhân vật, thậm chí là phân tích tâm lí nhân vật. Ví như câu thơ miêu tả thiên nhiên trong tiết thanh minh:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Hay như câu thơ miêu tả ngoại hình Tú Bà:

Thoắt trông nhờn nhợt màu da,

Ăn gì to lớn đầy đà làm sao.

Hoặc câu thơ miêu tả tâm lí Kiều ở lầu Ngưng Bích:

*Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Một điểm khác của lời văn trần thuật cũng rất đặc biệt trong Truyện Kiều là tính đa giọng điệu. Trong *Truyện Kiều*, ta thấy sự đan xen kết hợp nhiều giọng điệu như: giọng khoan hòa, giọng gấp gáp, giọng tâm tình, giọng chua cay, giọng đay nghiến. Sở dĩ có sự đa dạng ấy là bởi lời trần thuật gắn liền với các cung bậc trạng thái, những hành vi cử chỉ và vị thế của nhân vật. Ví như sắc thái giọng điệu các đoạn thơ miêu tả tiếng đàn của Kiều đánh cho Kim Trọng nghe, rồi hầu Hoạn Thư, hay hầu Hồ Tôn Hiến luôn đa điệu, gắn liền với tâm trạng, tình cảnh của Kiều.

Cuối cùng, sự trưởng thành về nhận thức cuộc sống và sự thay đổi tâm lí của nhân vật là điểm nhấn về tính tự sự trong Truyện Kiều. Trong mối tình với Kim Trọng, lúc chia tay, Kiều chỉ biết nói:

*Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay.*

Song hình như rút được kinh nghiệm từ mối tình đầu tiên, người đi kẻ ở không hẹn chính xác ngày tái ngộ nên “hoa trôi man mác, liễu xơ xác vàng”, trong cuộc chia tay với Thúc Sinh, nàng liền ấn định ngày tái ngộ:

*Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau.*

Thế rồi, hẹn ước là thế nhưng cơ trời, vận người nào ai tính được như ý, nàng và Thúc Sinh đã phải tái ngộ trong cảnh “người ngoài cười nụ người trong khóc thầm”. Cho nên đến cuộc chia tay với Từ Hải, Kiều đã rất tinh tế trước chí khí bốn phương của đảng trượng phu:

*Nàng rằng: phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi.*

Vậy, lẽ chẳng vì những yếu tố mang đậm tính tự sự của Truyện Kiều mà GS.TS Trần Đình Sử⁹ khẳng định: “Có loại truyện thơ thực ra là tiểu thuyết bằng thơ như Truyện Kiều, nghiêng về loại

tiểu thuyết với bút pháp tiểu thuyết”. Điều này có nghĩa trước hết, Truyện Kiều được xếp vào loại tự sự. Nhưng tác phẩm này thuộc thể loại nào của phương thức tự sự thì không dễ phân định.

2.2.3. Tân thanh mang yếu tố trữ tình

Trước hết, *Truyện Kiều* phản ánh cuộc sống trực tiếp bằng lời thơ trữ tình. Đây là sự khác biệt của Truyện Kiều với các truyện Nôm khác – phản ánh cuộc sống bằng lời thơ tự sự. Những câu thơ trong *Truyện Kiều* ngoài chức năng trần thuật lại các chuyện trong một chuỗi truyện gọi là “đoạn trường”, chúng còn có chức năng biểu đạt cảm xúc. Ta có thể dẫn ra một loạt các câu thơ trữ tình với mỗi lớp truyện như: Trong đoạn chị em Kiều du xuân, gặp Kim Trọng, có câu:

*Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.*

Hay như đoạn kể việc Kim Trọng trở lại vườn thúy, có câu:

*Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quạnh quẽ vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

Hoặc như đoạn Kiều đoàn tụ với gia đình:

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.*

Thứ hai, chất trữ tình thể hiện trong Truyện Kiều là ở chỗ nhân vật trữ tình biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan với đầy đủ những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ. Mở đầu *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã viết: “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”. Nỗi đau lòng ấy hoàn toàn là cảm xúc chủ quan của nhà thơ – một người đa sầu, đa cảm, đa tình, đa mang. Trước câu chuyện về gia đình họ Vương trong sử xanh, Nguyễn Du đã cảm được nỗi khổ “đau đớn thay phận đàn bà” bởi cái kiếp “hồng nhan quá mỏng manh”. Từ đó, nhà thơ thương cho kiếp người, phận người rồi thương cho chính mình. Qua *Truyện Kiều*, nhà thơ cũng bày tỏ nhận thức, suy nghĩ của mình trước sự đổi thay của thế sự, trước sự phủ phàng của tạo hóa. Nguyễn Du nhận ra rằng: “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” nên “đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!” để rồi phải thốt lên:

*Thân ta ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.*

⁹ Nhiều tác giả. 2004. *Lí luận văn học*. NXB Giáo dục, tr.384.

Không chỉ có vậy, hình tượng nhân vật trữ tình đôi khi là sự hóa thân của chính tác giả vào chính những nhân vật để trình bày nhân sinh quan. Ví như trong đoạn Kiều báo ân báo oán, Nguyễn Du đã chuyển vai liên tục từ bị can cho đến bị cáo. Khi là bị can thì:

*Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.*

Còn khi là bị cáo thì:

*Rằng: Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.*

Yếu tố thứ ba thể hiện chất trữ tình trong *Truyện Kiều* là nội dung cảm xúc và tâm trạng trước tự nhiên, cuộc đời, hay các sự kiện. Cảm xúc trước việc Thúy Kiều chia tay Thúc Sinh, Nguyễn Du đã thổ lộ những dòng tâm trạng:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.*

*Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.*

*Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.*

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gói chiếu, nửa soi dặm trường.*

Hay như trước sự kiện Thúy Kiều bị Sở Khanh lừa, Nguyễn Du cũng đã tỏ đôi lời thương cảm:

*Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai.*

Cuối cùng, nhân vật trữ tình trong *Truyện Kiều* là đối tượng trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng trong tác phẩm. Ở trong *Truyện Kiều*, đôi khi nhân vật trữ tình không tương đồng với hình tượng nhân vật. Tuy nhiên, ở các công trình, bài báo như: *Thử tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều* của Ngô Quốc Quýnh, Nxb Giáo dục Việt Nam, năm 2000; *Tác lòng cố quốc tha hương* của Nguyễn Xuân Chữ, Đặc san *Văn*, năm 1967; *Tâm sự hoài Lê* của Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, năm 1963; *Tâm sự Nguyễn Du* của Trần Trọng Kim in trong *Truyện Thúy Kiều*, Nxb Tân Việt, năm 1968 đã chứng minh được nhân vật trữ tình – Nguyễn Du, đã nhập thân vào những nhân vật trong truyện để giải bày uẩn ức tâm lý của mình – tức Nguyễn Du

đã xem nhân vật trữ tình là đối tượng để nhà thơ gửi gắm tình cảm, tâm tư, cùng những nỗi niềm sâu kín không biết tỏ cùng ai. Do đó, các nhân vật trong *Truyện Kiều* dù rất chân thực, rõ nét thì vẫn mang tính ước lệ.

2.2.4. Tân thanh mang yếu tố kịch

Khi nhắc đến thể loại kịch là ta nghĩ ngay đến việc phản ánh hiện thực thông qua lời đối thoại, độc thoại, hành động của của nhân vật kịch. Trong *Truyện Kiều* không thiếu những lời đối thoại, độc thoại, cũng không thiếu những hành động của nhân vật. Những lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật ấy không phải tất cả đều mang tính kịch nhưng ta vẫn thấy rất nhiều đoạn trong *Truyện Kiều* thể hiện tính kịch.

Trong đoạn Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân, ta thấy tính kịch rất rõ trong lời thoại của Kiều. Từ chỗ đối thoại với Thúy Vân bằng lời lẽ hết sức sắc sảo, cho đến lúc tuyệt vọng độc thoại với bản thân:

Lạy em, em có chịu lời,

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

...

Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang,

Thôi, thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

Nguyễn Du đã dựng lên một đoạn hội thoại kịch với tính kịch được tạo ra giữa chữ “tình”, chữ “hiếu”; giữa cái dằn vặt của người nói với cái tâm thế điềm nhiên của người nghe; giữa cái mất với cái còn, giữa cái âm êm trong quá khứ với cái rầu rĩ ở hiện tại, cái mịt mờ của tương lai.

Hay như đoạn đối đáp giữa Kiều với những nhân vật có ân oán với mình. Trong đó, những lời thoại của Kiều và Hoạn Thư đối nhau chan chất. Qua những lời hội thoại ấy, người đọc thấy được hiện thực về thói đời và tình người; thấy được ranh giới mong manh của cái đúng cái sai khi con người đứng trên lập trường hoàn cảnh để lí giải cho hiện tượng liên quan đến bản thân mình.

Không chỉ ở khía cạnh lời thoại mang tính kịch, trong *Truyện Kiều*, hành động của nhân vật cũng phản ánh tính kịch rõ nét. Hành động của Tú bà trong cái cách “bắt nạt ma mới” cho đến cái kiêu đồi dành, nhún nhin của con buôn trước món lợi của một thương vụ. Ví như khi biết Kiều bị cướp đi “màu hồ” thì:

Mụ nghe nàng nói hay tình,
 Bây giờ mới nổi tam bành mụ lên.
 Rồi thì đay nghiến Kiều:
 Phải làm cho biết phép tao,
 Giật bì tiên rấp sấn vào ra tay.
 Nhưng khi Kiều toan tự sát, mụ liền:
 Vực nàng vào chốn hiên tây,
 Cắt người coi sóc, rước thầy thuốc men.
 Sau đó, tiếp tục ân cần:
 Tú bà chực sẵn bên màn,
 Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dần.

Thế đấy, các lớp kịch lần lượt diễn ra, các màn kịch cứ thế kéo ra khép vào theo lớp lang của tình huống kịch. Các tình huống kịch lại được gắn kết với nhau bằng hành động xuyên và hành động quán xuyên. Nó thống nhất với nhau diễn ra nhằm biểu hiện cốt truyện kịch. Trong *Truyện Kiều*, các cảnh, lớp, hồi cũng được Nguyễn Du đặc biệt chú ý. Nếu xem đoạn thơ về “cảnh gia biên” là một hồi kịch thì ta có hai cảnh: một là cảnh ở cửa sai nha; hai là cảnh tại nhà Vương viên ngoại. Trong cảnh tại nhà Vương viên ngoại lại có nhiều lớp kịch như: Kiều bán mình, Kiều trao duyên...

Tuy nhiên, trong *Truyện Kiều* ta còn thấy có sự lồng ghép kịch trong kịch. Nghĩa là những mâu kịch nhỏ trong một vở kịch lớn. Ở những mâu kịch nhỏ số lượng nhân vật tham gia vào rất hạn chế, có khi chỉ có hai hoặc ba nhân vật. Ví dụ như mâu kịch về việc Hoạn Thư đánh ghen. Nhân vật chỉ có Thúy Kiều, Thúc Sinh và Hoạn Thư.

Một khía cạnh khác trong *Truyện Kiều* để chúng tôi tin rằng trong tác phẩm này mang tính kịch là ở việc xây dựng nhân vật kịch. Trước hết là ở hình dáng nhân vật. Nguyễn Du luôn gắn liền việc miêu tả hình dáng nhân vật với tính cách nhân vật. Ví như Từ Hải – râu hùm hàm én, tất nhiên là có tính cách của kẻ trượng phu. Kim Trọng – tài mạo tót vời, tất nhiên là có tính cách của người tài hoa. Sở Khanh – chải chuốt áo khăn dụi dàng, tất nhiên là có tính cách của kẻ *bạc tình nổi tiếng lâu xanh*.

Ngoài ra, tính kịch trong *Truyện Kiều* còn ở khía cạnh ngôn ngữ. Thứ nhất, ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* luôn thể hiện rất rõ tính cách nhân vật. Kiều là người đa tình nên lời nói của Kiều lúc nào cũng chất chứa cái tình, cái tâm tư. Tú bà là hạng tham tiền thì lời nói luôn đượm *hơi đồng*. Còn Sở Khanh là loại bạc tình thì lời nói *quen thói bốc trời*. Thứ hai, ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* thường gắn liền với hành động của nhân vật. Ví như lần đầu Kim Trọng yêu cầu Thúy Kiều đánh đàn, sau khi được kiều đồng ý thì chàng Kim liền lấy đàn sau hiên rồi *vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày*. Hay như khi Kiều chứng kiến cảnh Từ Hải chết đứng, sau khi nhận trách nhiệm về mình thì *dứt lời nàng đã gieo mình một bên*. Thứ ba, ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* rất cô đọng. Nó không chỉ truyền đạt được hiện thực khách quan mà còn phản ánh được những xung đột, dằn vặt trong nội tâm của nhân vật. Ví dụ như đoạn thơ viết về cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích:

*Bốn bề bát ngát xa trông,
 Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.
 Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
 Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*

Tới đây có thể nhận định rằng, *Truyện Kiều* cũng thể hiện rất rõ nét đặc trưng của thể loại kịch.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên, chúng tôi bước đầu nhận định Nguyễn Du khi đặt tên cho tác phẩm của mình là *Đoạn trường tân thanh* nhằm hai dụng ý: Thứ nhất là đặt tên mới cho một phương thức sáng tác quen thuộc trong văn học dân tộc giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX là “*Tân thanh*”; thứ hai là muốn phát triển thể loại này thành một phương thức sáng tác mới - *Tân thanh* – điểm giao giữa ba phương thức sáng tác tự sự, trữ tình và kịch.

Mặt khác, chúng tôi mạn phép đề xuất về việc giảng dạy các trích đoạn của *Truyện Kiều* trong sách giáo khoa phổ thông, nên chăng kết hợp vận dụng các đặc trưng của các thể loại văn học để làm rõ cái hay mà đoạn trích chứa đựng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn, Tường Tam. 1924. “Mấy lời bình luận về văn chương Truyện Kiều”. *Tạp chí Nam Phong*, số 79.
- Đào, Duy Anh. 1942. “Văn tả người và tả cảnh trong Đoạn trường tân thanh”. *Tạp chí Tri tân*, số 74.
- Lê, Xuân Lít. 2005. *200 năm nghiên cứu bàn luận Truyện Kiều*. NXB Giáo dục.
- Ngô, Quốc Quynh. 2010. *Thử tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, Du. 1991. *Truyện Kiều*. NXB Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp.
- Nguyễn, Đăng Na. 2000. “Đoạn trường tân thanh – một mã khóa vào thế giới nghệ thuật Nguyễn Du”. *Giáo viên và nhà trường*, số 33 – 34 – 35
- Nguyễn, Tiên Chung. 1965. “Tính chất tạo hình của thơ Nguyễn Du trong Truyện Kiều”. *Báo Văn nghệ*, số 135.
- Nhiều tác giả. 2003. *Nguyễn Du về tác giả và tác phẩm*. NXB Giáo dục.
- Phạm, Luận. 2001. “Về hai chữ Tân thanh trong nhan truyện Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du”. *Văn Bản Truyện Kiều – nghiên cứu và thảo luận*. Hội nhà văn.
- Phan, Ngọc. 1985. *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. NXB Khoa học Xã hội.
- Trần, Đình Sử. 2002. *Thi pháp Truyện Kiều*. NXB Giáo dục.
- Trần, Nho Thìn. 2008. *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*. NXB Giáo dục